

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 24-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Phương Lâm.

Ông Đỗ Minh Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hằng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Lý Văn S, sinh năm 1990 tại xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm R, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm O, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 8/12 phổ thông; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn V1 (tên gọi khác: Lý Giống V1 - đã chết) và bà Lầu Thị V2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-11-2017 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa: Ông Nông Văn D, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo theo Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Bị hại: Hoàng Thị M, sinh ngày 07-01-2000; hộ khẩu thường trú: Xóm C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt - hiện nay không rõ ở đâu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lý Văn I, sinh năm 1997; nơi cư trú: Xóm R, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Hoàng Thị E, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm R, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Lý Văn K1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm O, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Hoàng A X, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Hoàng Văn T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Xóm C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông:* Ông Dương Văn U, cán bộ Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3-2017, Lý Văn S sang Trung Quốc cùng với A1 (tên gọi khác là Dương Thành A2) đi làm công nhân cho một công trình thủy điện. Làm được khoảng 4 tháng thì công trình thủy điện nơi S và A1 làm thuê hết việc nên S có ý định trở về Việt Nam theo gia đình vào Miền Nam làm ăn. Biết được S sắp về Việt Nam, A1 nói với S về Việt Nam tìm xem có người con gái, phụ nữ nào muốn đi sang Trung Quốc làm thuê thì đưa sang Trung Quốc cho A1 mang đi bán cho người khác mua về làm vợ. Sau khi bán người xong A1 sẽ chia cho S 1.500 NDT (một nghìn năm trăm nhân dân tệ) và S đã đồng ý.

Khoảng cuối tháng 6, đầu tháng 7-2017 (âm lịch), Lý Văn S quay trở về Việt Nam và sống cùng gia đình anh trai là Lý Văn K1, Lý Văn K2 ở xóm O, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Khoảng 10 ngày sau, A1 gọi điện thoại tiếp tục bảo S đi tìm con gái dân tộc Mông muốn đi làm thuê ở Trung Quốc đưa sang cho A1 để A1 đưa đi bán. Sau khi nghe điện thoại của A1 được khoảng 5 đến 6 ngày, S đi chợ Q1, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng gặp Lý Văn I, sinh năm 1997, cư trú tại xóm R, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng là cháu họ của S, S hỏi I có người con gái nào muốn sang Trung Quốc làm thuê không. I biết Hoàng Thị M, sinh ngày 07-01-2000 đang sống cùng gia đình chồng tại xóm P1, xã O1, huyện B, tỉnh Cao Bằng có nhu cầu đi sang Trung Quốc làm thuê nên I đã lấy số điện thoại của Hoàng Thị M cho S.

Sau khi lấy số điện thoại của M, S gọi điện thoại cho M để làm quen, sau đó khoảng 2 ngày S tiếp tục gọi điện thoại cho M rủ M đi Trung Quốc làm thuê cùng S đến tết sẽ về, M nói để M suy nghĩ thêm. Khoảng 8 giờ ngày 08-9-2017, S tiếp tục gọi điện thoại rủ M sang Trung Quốc làm thuê, M nói với S là đi làm thuê thì đi còn đi lấy chồng thì M không đi, S nói chỉ đi làm thuê và khi sang

Trung Quốc thì S sẽ nhờ anh rể tìm việc làm cho M. Buổi chiều cùng ngày, M gọi điện thoại hỏi S sắp đi Trung Quốc chưa và nói nếu đi thì đi luôn, còn mấy ngày nữa thì M sẽ không đi được, S đồng ý đưa M đi luôn và hẹn chiều tối sẽ đón M ở đường liên xóm P1, xã O1, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi hẹn với M xong, S gọi điện thoại cho A1 báo tin S sẽ đưa con gái Việt Nam sang Trung Quốc cho A1 và bảo A1 ra biên giới đón. Khoảng 18 giờ ngày 08-9-2017 (tức ngày 18-7 âm lịch), S đi xe mô tô đến chỗ hẹn đón M. Khoảng 19 giờ cùng ngày, M một mình đi bộ ra chỗ hẹn rồi lên xe mô tô để S chở đi theo hướng F, Cao Bằng rồi tiếp tục đi theo hướng G, huyện F đến biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Đến cột mốc 5xx khoảng 23 giờ cùng ngày cả hai chờ A1 đến, sau đó S chở M đi vào nội địa Trung Quốc, đi được khoảng 30 phút gặp A1 đi xe mô tô đến đón rồi cả ba người cùng nhau tiếp tục đi vào nội địa Trung Quốc. Khoảng 7 giờ ngày 09-9-2017 thì đến nhà A1, vợ là Lý Thị N rồi cả hai người ở đó. Ngày 11-9-2017, Lý Văn K2 là anh trai của S gọi điện thoại bảo S về nhà để cùng Thành đi vào Miền Nam làm việc giúp gia đình. Biết S sắp về Việt Nam, A1 nói với S là sẽ đưa M đi bán cho người Trung Quốc, sau khi bán M xong sẽ chia cho S 1.500NDT (một nghìn năm trăm nhân dân tệ), S đồng ý. Trước khi về Việt Nam, S nói với M ở lại nhà anh rể của S đợi khoảng 10 ngày nữa S sẽ quay lại rồi một mình S quay về Việt nam.

Khi S về Việt Nam được khoảng 10 đến 20 ngày thì Lý Thị N gọi điện thoại báo cho S biết là đã có người Trung Quốc đến hỏi mua M và A1 đã bán M cho người đó mua về làm vợ, S hỏi N bán M được bao nhiêu tiền thì N nói bán M được 4.000NDT (bốn nghìn nhân dân tệ) nhưng người mua mới trả trước 1.000NDT (một nghìn nhân dân tệ). Khi nào nhận đủ tiền thì sẽ cho S 1.500NDT (một nghìn năm trăm nhân dân tệ). Sau đó giữa S và N cùng A1 không liên lạc với nhau, S cũng không sang Trung Quốc lần nào nữa.

Về phía Hoàng Thị M, sau khi S về Việt Nam thì có nhiều người đàn ông Trung Quốc đến xem mặt M và hỏi mua M về làm vợ, mặc dù M không đồng ý nhưng bị Lý Thị N dọa sẽ bán M đi thật xa để không tìm thấy đường về nhà nữa nên M đã đồng ý lấy Y. Ngày 05-10-2017, M chuyển đến nhà của Y ở. M hỏi Y thì được biết A1 đã bán M cho Y với số tiền 36.000NDT (ba mươi sáu nghìn nhân dân tệ). Sau một tháng, Y đưa M đến nhà A1 chơi, lợi dụng lúc A1 không chú ý M lấy điện thoại của A1 nhắn tin cho một người bạn tên là Mã Văn Z ở xã Q2, huyện Q3, tỉnh Cao Bằng nhờ Z tìm cách báo tin cho gia đình M biết là M đã bị lừa bán sang Trung Quốc. Sau khi nhận được tin báo của Z, anh trai của M tên là Hoàng Văn T, sinh năm 1996, trú tại xóm C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng cùng những người trong gia đình đã tìm cách dụ A1 ra biên giới Việt Nam - Trung Quốc rồi giữ A1 lại đưa lên Đồn Biên phòng G, huyện F, tỉnh Cao Bằng nhờ giúp đỡ thì được biết tên A1 dịch ra tiếng Việt Nam là Dương Thành A2, gia đình M đã dọa A2 là nếu không đưa M trở về Việt Nam thì sẽ báo Công an Trung Quốc bắt A2 rồi thả cho A2 trở về Trung Quốc. Đến ngày 08-11-2017, A2 đã đến nhà Y chuộc M về và đến ngày 11-11-2017 A2 dùng xe mô tô đưa M ra biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa phận xã G, huyện F, tỉnh Cao

Bằng trao trả M cho gia đình. Hoàng Thị M cùng gia đình đã đến Đoàn Biên phòng G, huyện F tố cáo hành vi lừa bán M sang Trung Quốc của Lý Văn S.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Lý Văn S khai trong thời gian làm thuê ở Trung Quốc và sau khi trở về Việt Nam, A1 (tức Dương Thành A2) bảo S tìm phụ nữ người Việt nam đưa sang Trung Quốc cho A2 bán cho người khác mua về làm vợ, sau khi bán xong sẽ chia cho S 1.500 nhân dân tệ nên khi biết M muốn sang Trung Quốc làm thuê kiếm tiền, S đã lừa M đưa sang Trung Quốc giao cho A2 để bán lấy tiền, S chưa được nhận tiền bán M từ A2. Việc S đưa M sang Trung Quốc bán ngoài A2 và S thì không ai được biết.

Bị hại Hoàng Thị M khai tại cơ quan điều tra do muốn sang Trung Quốc làm thuê kiếm tiền nên khi được S rủ sang Trung Quốc làm thuê nên M đã đồng ý đi cùng S sang Trung Quốc. Sau đó M bị A1 bán cho Y mua về làm vợ. Bị hại yêu cầu xử lý S và buộc S phải bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm cho M theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lý Văn I khai: I biết M có ý định sang Trung Quốc làm thuê thông qua di của I tên là Hoàng Thị E, khi S hỏi có ai muốn sang Trung Quốc làm thuê không thì I đã lấy số điện thoại của M cho S để S tự liên lạc. I không được tham gia và cũng không biết việc S lừa đưa M sang Trung Quốc bán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Thị E khai: Thông qua chị dâu của M nên E biết M muốn sang Trung Quốc làm thuê kiếm tiền nên E đã nói với I nếu sang Trung Quốc làm thuê thì cho M đi cùng, E không tham gia, cũng không biết việc S đưa M sang Trung Quốc bán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lý Văn K1 khai: Tôi không biết S đưa M hay đưa người nào sang Trung Quốc bán. Sau khi S bị bắt, tôi đi tìm M để hỏi có phải em tôi bán M sang Trung Quốc không. Khi gặp ông X là bố của M, ông X nói bà E và I mới là người lừa bán M sang Trung Quốc, bà E lấy số điện thoại của M cho I, sau đó bà E thuê S đến đón và chở M sang Trung Quốc bán, S chỉ là người đi xe ôm nên tôi làm đơn tố cáo bà E và I lừa M sang Trung Quốc bán.

Người làm chứng Hoàng A X khai: Khi M từ Trung Quốc về có nói lại việc bà E lừa M đi làm thuê rồi giao cho Lý Văn I, Lý Văn S đưa sang Trung Quốc cho chị gái S đem đi bán, tôi không nhìn thấy và không biết việc M bị ai lừa bán sang Trung Quốc thế nào.

Người làm chứng Hoàng Văn T khai: Ngày 09-9-2017 tôi được gia đình chồng M báo tin M đi khỏi nhà không biết đi đâu, làm gì. Khoảng 15 ngày sau, người nhà của Z ở Q3 báo tin cho gia đình tôi biết Z nhận được tin nhắn của M với nội dung: “*M bị lừa bán sang Trung Quốc*”, tôi tìm cách liên lạc và dụ người có số điện thoại đã gửi tin nhắn cho Z đến cột mốc 5xx ở G, huyện F để gặp. Khi người đàn ông đến điểm hẹn, tôi đã bắt đưa lên Đoàn Biên phòng G nhờ giúp đỡ thì được biết người này tên là Dương Thành A2, A2 thừa nhận có được đón M sang Trung Quốc, hiện nay M đang ở nhà A2, S là người đã đưa M sang cho A2

để A2 đem đi bán. Ngày 01-11-2017 (tức ngày 23-9 âm lịch) A2 đưa M đến biên giới trao trả cho gia đình như đã thỏa thuận. Sau đó tôi đưa M lên cơ quan Công an huyện B để trình báo.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CTr-VKSCB-P2 ngày 02-03-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Lý Văn S về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Lý Văn S về tội “Mua bán người”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lý Văn S phạm tội “Mua bán người”, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt: Lý Văn S từ 05 năm đến 06 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 584, 585 và 592 Bộ luật Dân sự buộc Lý Văn S bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại Hoàng Thị M.

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu phát mại 01 xe mô tô Honda sung vào ngân sách Nhà nước; trả lại cho Lý Văn S 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lý Văn S, đồng thời buộc S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý Nông Văn D bào chữa cho bị cáo Lý Văn S đồng tình với luận tội của Kiểm sát viên về việc truy tố Lý Văn S về tội "Mua bán người". Tuy nhiên, cần xem xét hoàn cảnh nhân thân bị cáo, S sinh ra ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, chịu nhiều thiệt thòi, bị cáo phạm tội là do bị người khác xúi giục và chưa được nhận tiền có được từ việc bán bị hại, bị hại đã được giải cứu trở về gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm là 05 năm tù.

Bị cáo không có lời bào chữa bổ sung, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lý Văn S và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lý Văn S hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Đơn tố giác và các lời khai của bị hại Hoàng Thị M tại cơ quan điều tra; các lời khai của bị cáo Lý Văn S tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như Lý Văn I, Hoàng Thị E, Lý Văn K1; lời khai của người làm chứng Hoàng A X, Hoàng Văn T.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận Lý Văn S đã có hành vi lừa dối làm cho bị hại Hoàng Thị M tin tưởng là S đưa M sang Trung Quốc tìm việc làm thuê kiếm tiền nhưng thực chất là S đưa M sang Trung Quốc giao cho Dương Thành A2 để bán lấy tiền. Hành vi đưa Hoàng Thị M sang Trung Quốc để bán lấy tiền của Lý Văn S đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Lý Văn S về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của Lý Văn S đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của con người, coi con người như một món hàng hóa để trao đổi, mua bán trên thị trường với mục đích kiếm lời nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống loại tội phạm này ở địa phương.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Lý Văn S có nhân thân tốt, thể hiện ở việc bị cáo chưa có lần nào bị kết án hoặc bị xử phạt hành chính. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 01 tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với vai trò, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm”*. Bị cáo Lý Văn S phạm tội “Mua bán người” với động cơ, mục đích là hưởng lợi nhưng bị cáo chưa được A1 chia số tiền có được từ việc bán bị hại Hoàng Thị M, bị cáo cũng không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, việc phạt quản chế hoặc cấm cư trú cũng không cần thiết nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo .

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lý Văn S phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho người bị hại Hoàng Thị M với số tiền phải bồi thường tương đương 08 tháng lương cơ bản, cụ thể số tiền Lý Văn S phải bồi

thường là 08 tháng lương cơ bản x 1.300.000,0đ/ 01 tháng = 10.400.000,0đ (mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

[6 Việc xử lý vật chứng:

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước các phương tiện dùng vào việc thực hiện tội phạm gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 29E1 - 026.25 kèm theo 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 055181 mang tên Chu Thị T1, biển số đăng ký là 29E1 - 026.25; 01 (một) điện thoại di động đã được niêm phong.

Tịch thu tiêu hủy những giấy tờ không còn giá trị sử dụng gồm 01 (một) giấy biên nhận mua bán ký gửi thanh lý đồ của hiệu cầm đồ Chiến Bắc, tên khách hàng là Lý Văn S; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô) mang tên Chu Thị T1.

Trả lại cho Lý Văn S 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số: 085091479 mang tên Lý Văn S.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Lý Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lý Văn S phạm tội “Mua bán người”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt: Lý Văn S 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 15-11-2017.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584; 585 và 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Lý Văn S phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại Hoàng Thị M, sinh ngày 07-01-2000, hộ khẩu thường trú: xóm C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền là 10.400.000,0đ (mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu Lý Văn S chưa bồi thường được khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

3. Việc xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 29E1 - 026.25, số

khung: 616748, số máy: 6044922, xe cũ, đã qua sử dụng, không nổ máy được, đã bị vỡ một số vỏ nhựa, kèm theo xe là 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số: 055181 mang tên Chu Thị T1, biển số đăng ký là 29E1 - 026.25; 01 (một) điện thoại di động đã được niêm phong.

+ Tịch thu tiêu hủy những giấy tờ không còn giá trị sử dụng gồm 01 (một) giấy biên nhận mua bán ký gửi thanh lý đồ của hiệu cầm đồ Chiến Bắc, tên khách hàng là Lý Văn S; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô) mang tên Chu Thị T1.

+ Trả lại cho Lý Văn S 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số: 085091479 mang tên Lý Văn S.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 18 ngày 05 tháng 02 năm 2018.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lý Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 520.000,0đ (năm trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 720.000,0đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lý Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Hoàng Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng PC 45;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự CB;
- Trại tạm giam CA tỉnh CB;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mã Văn Quân

